TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/DS -ST
Ngày: 17/9/2018
V/v: "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:
- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông ***Nguyễn Xuân H***
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông ***Lê Văn D***
2. Bà ***Nguyễn Thị C***
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà ***Mai Thị Thanh N*** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 47/2018/TLST-DS ngày 02/5/2018 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-DS ngày 17/8/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1958
Địa chỉ: 117 PĐP, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Có mặt
- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn HL 2, xã K , huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N có mối quan hệ mua bán phân bón với nhau. Qua nhiều lần mua bán và trả tiền thì hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ với nhau, tính đến ngày 02/12/2016 thì bà N còn nợ ông số tiền là 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng) và bà N có cam kết sẽ thanh toán khoản tiền này một lần vào 06 tháng sau tức ngày 02/6/2017. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn nhưng bà Nguyễn Thị N vẫn không chịu trả mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Nay, ông yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền nợ gốc 82.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 03/6/2017 đến ngày 17/9/2018 là 82.000.000đ x 0,83%/tháng x 15 tháng 14 ngày = 10.526.613đ; tổng cộng là 92.526.613 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà công nhận đúng như lời trình bày của ông Huỳnh Văn D. Bà có mua phân bón của ông Huỳnh Văn D nhiều lần. Đến ngày 02/12/2016, hai bên có đối chiếu công nợ thì bà còn nợ ông D số tiền là 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng) và bà có cam kết sẽ thanh toán khoản tiền này một lần vào 06 tháng sau tức ngày 02/6/2017. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên đến nay bà vẫn chưa trả được tiền cho

ông D. Số tiền gốc và số tiền lãi mà ông D khởi kiện yêu cầu thì bà đồng ý nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn bà xin được trả dần trong 03 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn D là người có quyền khởi kiện, đơn khởi kiện của nguyên đơn về hình thức và nội dung đúng quy định của pháp luật; bị đơn có nơi cư trú tại xã K, huyện Đ, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền nợ gốc và tiền lãi do nợ quá hạn từ việc mua bán phân bón, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

[3] Về nội dung vụ án: Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị N thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 82.000.000 đồng và đồng ý trả lãi chậm trả trên số nợ gốc này theo yêu cầu của nguyên đơn với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 03/6/2017. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, bà N đề nghị được trả dần trong vòng 03 năm nhưng đề nghị này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật, được chấp nhận, cần buộc bị đơn phải trả một lần cho nguyên đơn số tiền 92.526.613 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 82.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 03/6/2017 đến ngày 17/9/2018 là 10.526.613 đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 92.526.613 đồng x 5% = 4.626.330 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D.

1. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Huỳnh Văn D số tiền 92.526.613 đồng (Chín mươi hai triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm mười ba đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 82.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 03/6/2017 đến ngày 17/9/2018 là 10.526.613 đồng.

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp 4.626.330đ *(Bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn D số tiền 2.050.000 đồng *(Hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002595, ngày 27/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2018), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ khi nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh G;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H